

Bản án số: 715/2023/DS-PT

Ngày : 04/7/2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Muôn

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Thanh Vân

2. Ông Phan Báu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đoàn Thục Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2586/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm: 1973 – Có mặt.

Địa chỉ thường trú: A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: D V, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ông Nguyễn Đức V, sinh năm: 1977 – Có mặt.

Địa chỉ thường trú: A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: D V, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn V1, sinh năm: 1971; Địa chỉ: C Đường số E, Khu đô thị V, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 22348; Quyển số: 08 ngày 06/8/2020 lập tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh) – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đinh Hồng H, sinh năm: 1969 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: A K N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam T17 Bộ C1 – đóng tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Nguyễn Tấn T1 và ông Nguyễn Trọng N – Luật sư, Công ty TNHH H2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (ông N vắng mặt, ông T1 có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Hồng H1, sinh năm: 1975 – Vắng mặt.

Địa chỉ: 3 Đường A, Khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Huỳnh Thanh S, sinh năm: 1970 – Vắng mặt.

Địa chỉ: 2 N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà H1 và ông S: Ông Phạm Văn V1, sinh năm: 1971; Địa chỉ: C, Đường số E, Khu đô thị V, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số: 022375; Quyền số: 08 ngày 06/8/2020 và số: 022440; Quyền số: 08 ngày 07/8/2020 lập tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/11/2019, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Nguyễn Đức V và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Văn V1 đều trình bày:

1. Khoản tiền ông Đinh Hồng H vay của bà Huỳnh Thị Thanh T:

- Ngày 03/10/2014, ông H vay 100.000.000 đồng, sau đó vay thêm 300.000.000 đồng. Tổng cộng là 400.000.000 đồng;

- Ngày 12/02/2015, ông H vay 800.000.000 đồng, theo Hợp đồng số: 03081 lập tại Văn phòng C2, lãi suất hai bên thoả thuận theo quy định pháp luật;

- Ngày 16/5/2017, ông H vay 10.000.000.000 đồng, theo Hợp đồng số: 016482 lập tại Văn phòng C3, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng;

- Ngày 30/5/2017, ông H vay 3.500.000.000 đồng, theo Hợp đồng số: 018444 lập tại Văn phòng C3, lãi suất thỏa thuận là 0,7%/tháng;

- Ngày 09/11/2016, thông qua bà T, bà Nguyễn Thị Hồng H1 chuyển vào tài khoản của ông H vay số tiền 300.000.000 đồng.

Tổng cộng: 15.000.000.000 (Mười lăm tỷ) đồng.

2. Khoản tiền ông Đinh Hồng H vay của ông Nguyễn Đức V:

- Ngày 07/9/2016, ông H vay 7.700.000.000 đồng, theo Hợp đồng số: 027407 lập tại Văn phòng C3, lãi suất thỏa thuận là 0,7%/tháng;

- Ngày 07/12/2016, thông qua ông V, ông Huỳnh Thanh S chuyển vào tài khoản của ông H vay số tiền 2.000.000.000 đồng;

- Ngày 02/8/2017, ông V chuyển vào tài khoản cho ông H vay số tiền 7.000.000.000 đồng;

- Ngày 17/8/2017, ông V chuyển vào tài khoản cho ông H vay số tiền 1.000.000.000 đồng.

Tổng cộng: 17.700.000.000 (Mười bảy tỷ, bảy trăm triệu) đồng.

Các khoản vay trên đã quá hạn nhưng ông Đinh Hồng H cố tình không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Đinh Hồng H trả cho bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền nợ gốc là 15.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn và quá hạn trên số nợ gốc 14.300.000.000 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (13/7/2022) là 12.092.010.959 đồng. Riêng khoản vay 700.000.000 đồng, bà T không yêu cầu trả lãi vì không có thỏa thuận.

- Buộc ông Đinh Hồng H trả cho ông Nguyễn Đức V số tiền nợ gốc là 17.700.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn và quá hạn trên số nợ gốc là 7.700.000.000 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (13/7/2022) là 5.618.229.726 đồng. Riêng khoản vay 10.000.000.000 đồng, ông V không yêu cầu trả lãi vì không có thỏa thuận.

Bị đơn, ông Đinh Hồng H xác nhận có vay tiền như nguyên đơn trình bày. Toàn bộ số tiền vay nêu trên đã được ông trả trực tiếp cho bà Huỳnh Thị Thanh T và ông Nguyễn Đức V bằng tiền mặt, khi trả có ghi rõ và ký trong sổ sách của bà T về số tiền nợ và số tiền phải trả. Nay ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Hồng H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn V1 trình bày:

Ngày 09/11/2016, bà Huỳnh Thị Thanh T nhờ bà H1 nộp tiền vào tài khoản số 26073539 của ông Đinh Hồng H tại Ngân hàng TMCP Á – Chi nhánh T3 số tiền 300.000.000 đồng, với nội dung “T gửi tiền anh H mượn”. Số tiền này là của bà T, không phải là của bà H1. Nay bà T khởi kiện ông H trả tiền, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Huỳnh Thanh S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn V1 trình bày:

Ngày 07/12/2016, ông Nguyễn Đức V nhờ ông S nộp tiền vào tài khoản số 26073539 của ông Đinh Hồng H số tiền 2.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Á – Chi nhánh T3, nội dung “anh H mượn của Nguyễn Đức V 2 tỷ, số CMND 025543284”. Số tiền này là của ông V, không phải của ông S. Nay ông V khởi kiện ông H trả tiền, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 208/2022/DS-ST ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Đinh Hồng H trả cho bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền nợ gốc là 15.000.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 13/7/2022 là 12.096.942.466 đồng. Tổng cộng là 27.096.942.466 đồng.

- Buộc ông Đinh Hồng H trả cho ông Nguyễn Đức V số tiền nợ gốc là 17.700.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 13/7/2022 là 5.619.185.754 đồng. Tổng cộng là 23.319.185.754 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/8/2022, ông Đinh Hồng H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân Quận 1 để xét xử lại.

Ngày 17/4/2023, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 208/2022/DS-ST ngày 13/7/2022, cụ thể như sau:

1. Tại dòng thứ 9 từ dưới lên, trang 11 của bản án đã ghi: “...12.082.192 đồng (Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý cho bị đơn trả lãi trong hạn và quá hạn là 18%). Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “... 9.290.958.904 đồng (Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý cho bị đơn trả lãi trong hạn và quá hạn là 18%).

2. Tại dòng thứ 01 đến dòng thứ 4 từ dưới lên, trang 12 của bản án đã ghi: “Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành

án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Đối với khoản tiền lãi thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2017 và Hợp đồng vay tiền ngày 16/5/2017, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với các khoản tiền lãi còn lại, K từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo.

- Nguyên đơn, ông Nguyễn Đức V, bà Huỳnh Thị Thanh T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử vụ án là sai thẩm quyền vì bị đơn không cư trú tại Quận A mà ở Quận B (nay là thành phố T), không tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn. Các khoản vay giữa bà T, ông V và ông H trong vụ án này có liên quan đến ông Vũ Đăng P, cấp sơ thẩm không đưa ông P vào tham gia tố tụng để làm rõ các khoản vay. Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phạm Văn V1 đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng H1 và ông Huỳnh Thanh S đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng theo quy định tại Điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, có thông báo bằng văn bản cho đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp về việc đã thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm đúng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 286 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hồ sơ vụ án cũng đã được chuyển cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án.

- Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

2. Về việc giải quyết vụ án dân sự:

- Về thời hạn kháng cáo: Ngày 13/7/2022, Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử vụ án (Bản án dân sự sơ thẩm số 208/2022/DS-ST). Ngày 15/9/2022, Tòa án nhân dân Quận 1 nhận được đơn kháng cáo quá hạn đề ngày 03/8/2022 của bị đơn ông Đinh Hồng H. Ngày 15/12/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp xét kháng cáo quá hạn và ban hành Quyết định số 56/2022/QĐ-PT chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của ông Đinh Hồng H.

Về nội dung: Căn cứ vào các giấy nộp tiền, giấy vay tiền, hợp đồng vay tiền và Công văn số 1667/BC-ĐTTH ngày 06/6/2022 của Công an Q và Công văn số 15866/CQCSĐT-CSHS-Đ8 ngày 30/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H xác định ông Đinh Hồng H đã vay của bà Huỳnh Thị Thanh T là 15.000.000.000 đồng và ông Nguyễn Đức V là 17.700.000.000 đồng. Ông H kháng cáo cho rằng đã trả tiền nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, phía bà T và ông V không thừa nhận nên không có cơ sở để xem xét. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông V và bà T.

Đối với yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: Các hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn, có hợp đồng được xác lập vào thời điểm Bộ luật Dân sự 2005 đang có hiệu lực và có hợp đồng được xác lập khi Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực. ngày 11/01/2019, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn cụ thể thời điểm áp dụng pháp luật để giải quyết về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Cấp sơ thẩm chỉ áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết là chưa đầy đủ, đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Đức V và bà Huỳnh Thị Thanh T khởi kiện ông Đinh Hồng H tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ kết quả xác minh ngày 11/12/2019 của Công an phường Đ, Quận A thì “Ông Đinh Hồng H, sinh năm: 1969, có hộ khẩu thường trú tại: 1kép/2A N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ này đã giải tỏa trắng từ năm 2010, ông H đang cư trú tại địa chỉ: F Đường C, phường B, Quận B”. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh ngày 06/6/2020 của Công an phường B, Quận B thì tại địa chỉ: F Đường C, phường B, Quận B không có tên Đinh Hồng H cư trú. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 1 thụ lý giải quyết án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng:

- Xét, ngày 26/6/2023, bị đơn là ông Đinh Hồng H có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn có xác nhận của Trại tạm giam T4- Bộ C1 đóng tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, Luật sư Nguyễn Trọng N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đinh Hồng H và Luật sư Nguyễn Trọng N.

[3] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Đinh Hồng H làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[4] Về nội dung:

[4.1] Đối với khoản vay của bà Huỳnh Thị Như T2 và ông Nguyễn Đức V:

Xét yêu cầu trả 15.000.000.000 (Mười lăm tỷ) đồng nợ gốc của bà T2 và 17.700.000.000 (Mười bảy tỷ, bảy trăm triệu) đồng của ông V thấy: Tại các bản khai, ông Đinh Hồng H không phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 80 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa khẳng định ông H có vay và đã nhận đủ của bà T2 và ông V. Tuy nhiên, ông H cho rằng đã trả hết số tiền cho bà T2 và ông V bằng tiền mặt nhưng không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến việc đã trả tiền. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Hồng H.

[4.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (13/7/2022) của nguyên đơn:

+ Đối với các khoản vay không có thỏa thuận về lãi suất: Xét, tại cấp sơ thẩm và tại phiên phúc thẩm, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi đối với các khoản vay không có thỏa thuận về lãi suất nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Đối với các khoản vay có thỏa thuận về lãi suất: Xét tại điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm pháp Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định:

Hợp đồng đang được thực hiện mà lãi, lãi suất không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

Hợp đồng đang được thực hiện mà lãi, lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì việc áp dụng pháp luật để xác định lãi, lãi suất như sau:

Đối với khoảng thời gian trước ngày 01/01/2006 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 1995, Nghị quyết ngày 28/10/1995 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 1995.

Đối với khoảng thời gian từ ngày 01/01/2006 đến trước ngày 01/01/2017 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005.

Đối với khoảng thời gian từ ngày 01/01/2017 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015.

Cấp sơ thẩm chỉ áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết tiền lãi là chưa đầy đủ mà phải áp dụng cả Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết. Do đó, cần điều chỉnh lại cho phù hợp, cụ thể:

+ Đối với tiền lãi của bà Huỳnh Thanh T:

* Khoản vay 800.000.000 đồng vào ngày 12/02/2015. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 12/02/2015, lãi suất hai bên tự thỏa thuận.

- Lãi trong hạn: Căn cứ khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, mức lãi suất là 0,75%/tháng. Tiền lãi từ ngày 12/02/2015 đến 12/08/2015 là 36.000.000 đồng [(800.000.000 đồng x 6 tháng (180 ngày) x 0,75%/tháng)].

- Lãi quá hạn: Căn cứ khoản 4 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, lãi suất là 0,75%/tháng. Tiền lãi từ ngày 13/8/2015 đến ngày 31/12/2016 là 99.353.424 đồng (800.000.000 đồng x 16 tháng 17 ngày x 0,75%/tháng).

Tiền lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày 13/7/2022, theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 440.870.000 đồng (800.000.000 đồng x 66 tháng 12 ngày x 0,83%/tháng), cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 468 tính lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) từ ngày 12/02/2015 đến ngày 13/7/2022 là chưa đúng. Tuy nhiên, nguyên đơn không kháng cáo về phần này. Việc tính lãi này có lợi cho bị đơn nên ghi nhận.

* Khoản vay 10.000.000.000 đồng vào ngày 16/5/2017. Thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 1,5%/tháng. Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng, tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Số tiền lãi từ ngày 16/5/2017 đến ngày 13/7/2022 là 9.273.287.671 đồng [10.000.000.000 đồng x 61 tháng 25 ngày x 18%/năm (1.5%/tháng)]. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi trong hạn và quá hạn là 18%/năm (1.5%/tháng) là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận.

* Khoản vay 3.500.000.000 đồng vào ngày 30/5/2017, gồm:

- Lãi trong hạn: Từ ngày 30/5/2017 đến ngày 14/6/2017 là 12.082.192 đồng [3.500.000.000 đồng x 15 ngày x 8,4%/năm (0,7%/tháng)].

- Lãi quá hạn: Từ ngày 15/6/2017 đến ngày 13/7/2022 là 2.236.413.698 đồng [3.500.000.000 đồng x 60 tháng 26 ngày x 12,6%/năm (1,05%/tháng)].

Tổng số tiền ông Đinh Hồng H phải trả của bà Huỳnh Thị Thanh T là 27.098.006.985 đồng, gồm: Tiền nợ gốc là 15.000.000.000 đồng và tiền lãi là 12.098.006.985 đồng.

+ Đối với tiền lãi của ông Nguyễn Đức V:

* Khoản vay 7.700.000.000 đồng vào ngày 07/9/2016. Lãi suất 0,7%/tháng, thời hạn vay 60 ngày.

- Lãi trong hạn: Từ ngày 07/9/2016 đến ngày 06/11/2016 là 106.323.288 đồng [7.700.000.000 đồng x 60 ngày x 8,4%/năm (0,7%/tháng)].

- Lãi quá hạn: Từ ngày 07/11/2016 đến ngày 31/12/2016, theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 là 104.424.658 đồng [7.700.000.000 đồng x 55 ngày x 9%/năm (0,75%/tháng)]

- Lãi quá hạn: Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 13/7/2022 theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 5.339.289.698 đồng [7.700.000.000 đồng x 66 tháng 12 ngày x 12,6%/năm (1,05%/tháng)].

Số tiền lãi ông H phải trả cho ông V: 5.550.037.644 đồng, cấp sơ thẩm tuyên buộc ông H trả cho ông V số tiền: 5.619.185.754 đồng là cao so với quy định, cần sửa án sơ thẩm về phần này để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn. Phần chênh lệch nguyên đơn yêu cầu không được chấp nhận là 69.148.110 đồng (5.619.185.754 đồng – 5.550.037.644 đồng).

Tổng số tiền ông Đinh Hồng H phải trả cho ông Nguyễn Đức V là 23.250.037.644 đồng, bao gồm: Tiền nợ gốc là 17.700.000.000 đồng và tiền lãi là 5.550.037.644 đồng.

Xét, Luật sư Nguyễn Tấn T1 bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn nêu lên một số vấn đề và cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như thụ lý giải quyết vụ án sai thẩm quyền, không tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn, khoản vay giữa nguyên đơn và bị đơn rất lớn và có liên quan đến ông Vũ Đăng P nhưng không đưa ông P vào tham gia tố tụng để làm rõ các khoản vay là không đúng với các tình tiết và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên không chấp nhận.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4.3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 147, 148, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2, 4 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Áp dụng Điều 463, 466, điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án Dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

1. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 208/2022/DS-ST ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về phần tiền lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Đinh Hồng H trả cho bà Huỳnh Thị Thanh T tổng số tiền là 27.096.942.466 (Hai mươi bảy tỷ, không trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu) đồng, bao gồm: Tiền tiền nợ gốc là 15.000.000.000 đồng và tiền lãi là 12.096.942.466 đồng.

- Buộc ông Đinh Hồng H trả cho ông Nguyễn Đức V tổng số tiền là 23.319.185.754 (Hai mươi ba tỷ, ba trăm mười chín triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi bốn) đồng, bao gồm: Tiền nợ gốc là 17.700.000.000 đồng và tiền lãi là 5.550.037.644 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm:

- Ông Đinh Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 135.096.942 (Một trăm ba mươi lăm triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm bốn mươi hai) đồng trên số tiền phải trả cho bà Huỳnh Thị Thanh T.

- Ông Đinh Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 131.319.186 (Một trăm ba mươi một triệu, ba trăm mười chín nghìn, một trăm tám mươi sáu) đồng trên số tiền phải trả cho ông Nguyễn Đức V.

- Bà Huỳnh Thị Thanh T đã nhận lại số tiền 65.646.066 (Sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm sáu mươi sáu) đồng, theo Quyết định thi hành án chủ động số 25/QĐ-CCTHADS ngày 03/10/2022 và Quyết định về việc thu tiền của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữa số 02/QĐ-CCTHADS ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Đức V đã nhận lại số tiền 63.882.720 (Sáu mươi ba triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm hai mươi sáu) đồng, theo Quyết định thi hành án chủ động số 23/QĐ-CCTHADS ngày 03/10/2022 và Phiếu chi số 2023/0008C ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Án phí phúc thẩm: Ông Đinh Hồng H phải chịu án phí phúc thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0018375 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND Quận 1;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Muôn

